

Đầu tư xanh theo ngành tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030: Thực trạng và một số khuyến nghị

Trần Việt Dũng, Nguyễn Thị Hoài Thu, Phạm Thu Hằng
Học viện Ngân hàng, Việt Nam

Ngày nhận: 11/01/2026

Ngày nhận bản sửa: 03/03/2026

Ngày duyệt đăng: 05/03/2026

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng đầu tư xanh và hệ thống chính sách về đầu tư xanh theo ngành và lĩnh vực tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030, qua đó nhận diện các điểm nghẽn chính sách và đề xuất giải pháp tháo gỡ. Bằng phương pháp phân tích- tổng hợp và thống kê mô tả dựa trên hệ thống dữ liệu thứ cấp từ các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý nhà nước, nghiên cứu cho thấy bức tranh đầu tư xanh tại Việt Nam đang bộc lộ sự mất cân đối giữa các ngành, lĩnh vực. Dòng vốn đầu tư xanh đang tập trung cao vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong khi các ngành trọng yếu có tiềm năng giảm phát thải lớn như nông nghiệp bền vững, giao thông xanh và công nghiệp lại thiếu hụt nguồn lực tương xứng. Sự chững lại và phân bổ thiếu đồng đều này bắt nguồn từ các rào cản thực thi như sự phân mảnh trong chính sách,

Sectoral green investment in Viet Nam over the 2020- 2030 period: Current status and policy recommendations

Abstract: This study aims to assess the current status of sectoral green investment and its corresponding policy framework in Viet Nam during the 2020- 2030 period, identify policy bottlenecks, and propose policy recommendations. Employing analytical and synthetic methods alongside descriptive statistics based on secondary data from international organizations and state management agencies, the findings reveal that the landscape of green investment in Viet Nam exhibits severe structural imbalances. Green investment flows are highly concentrated in the renewable energy sector, while key sectors with significant emission reduction potential, such as sustainable agriculture, green transportation, and industry, lack commensurate resources. This stagnation and uneven distribution stem from implementation barriers, such as policy fragmentation, policy lags, and complex cross-sectoral conflicts of interest. Based on these findings, the study provides policy recommendations, particularly emphasizing the need to shift the governance approach from isolated support mechanisms to systemic coordination. The primary focus should be on integrating spatial planning, perfecting market mechanisms such as Direct Power Purchase Agreements (DPPA) and the carbon market, and applying blended finance instruments.

Keywords: Green investment, Sectoral investment, Renewable energy, Green growth, Net zero, Viet Nam

Link Doi: <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.03.3150>

Tran Viet Dung¹, Nguyen Thi Hoai Thu², Pham Thu Hang³

Email: dungtv@hvn.edu.vn¹, hoaitu@hvn.edu.vn², hangtp@hvn.edu.vn³

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

độ trễ chính sách và các xung đột lợi ích liên ngành phức tạp. Từ các phát hiện trên, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị về chính sách, đặc biệt cần chuyển đổi quản lý từ các hỗ trợ đơn lẻ sang điều phối một cách hệ thống, trọng tâm là tích hợp quy hoạch không gian, hoàn thiện cơ chế thị trường như DPPA, thị trường các-bon và ứng dụng các công cụ tài chính hỗn hợp.

Từ khóa: Đầu tư xanh, Đầu tư theo ngành, Năng lượng tái tạo, Tăng trưởng xanh, Phát thải ròng bằng 0, Việt Nam

Trích dẫn: Trần Việt Dũng, Nguyễn Thị Hoài Thu, & Phạm Thu Hằng. (2026). Đầu tư xanh theo ngành tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030: Thực trạng và một số khuyến nghị. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng*, 28(3), 45-57. <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.03.3150>

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ 21 đang chứng kiến sự chuyển dịch kiến tạo trong mô hình phát triển toàn cầu, nơi tăng trưởng xanh không còn là một khái niệm mang tính lựa chọn mà đã trở thành một cấu phần tất yếu và là thước đo cho sự thịnh vượng bền vững của mỗi quốc gia. Báo cáo quốc gia về Khí hậu và Phát triển của Ngân hàng Thế giới dự báo nếu không có các biện pháp đầu tư thích ứng và giảm thiểu, thiệt hại kinh tế do biến đổi khí hậu mà Việt Nam gánh chịu có thể lên tới 12-14,5% GDP mỗi năm (World Bank, 2022a). Trong khi đó, nếu triển khai thành công kịch bản tối ưu, nền kinh tế xanh có thể đóng góp thêm tới 300 tỷ USD mỗi năm vào GDP cả nước và tạo ra hơn một triệu việc làm trực tiếp vào năm 2050 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư & The Boston Consulting Group, 2023).

Trước xu hướng khách quan về chuyển dịch xanh, Việt Nam đã có những bước đi chủ động và quyết liệt để đưa tăng trưởng xanh vào trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế- xã hội với cam kết lịch sử tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26) về việc đạt mức phát thải ròng bằng 0 (PTR0) vào năm 2050. Đây không chỉ là một tuyên bố chính trị mạnh mẽ, mà còn là tín hiệu khởi động một quá trình

tái cấu trúc sâu rộng nhằm thu hút và điều hướng các dòng vốn đầu tư xanh một cách hiệu quả vào các ngành, lĩnh vực. Bởi vì mỗi ngành có mức độ tác động khác nhau đến môi trường, việc đánh giá đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực giúp Chính phủ và nhà đầu tư phân bổ nguồn lực một cách tối ưu hơn. Đã có một số nghiên cứu về đầu tư xanh nói chung ở Việt Nam nhưng hầu hết tập trung phân tích theo khu vực kinh tế (Đào Hoàng Tuấn & Nguyễn Thị Nhung, 2024); hoặc tập trung trong ngành năng lượng tái tạo (World Bank, 2022b; McKinsey & Company, 2023; Indochine Counsel, 2024); và một số nghiên cứu về khung pháp lý của tài chính xanh (Bùi Hữu Toàn, 2025). Bức tranh tổng hợp hơn về cơ chế, chính sách cho đầu tư xanh và thực trạng đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực trọng điểm ở Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu rõ nét. Vận dụng phương pháp phân tích- tổng hợp và thống kê mô tả dựa trên dữ liệu thứ cấp từ các văn bản chính sách và báo cáo của các tổ chức, nghiên cứu này hướng tới trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau đây: (1) Cơ sở lý thuyết và thực tiễn chính sách về đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam như thế nào? (2) Các hạn chế cơ bản trong đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam là gì? (3) Làm thế nào để khuyến khích đầu tư xanh một cách hợp lý ở góc độ ngành và lĩnh vực ở Việt Nam?

2. Cơ sở lý thuyết và căn cứ chính sách cơ bản cho đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030

2.1. Khái niệm về đầu tư xanh

Khái niệm về đầu tư xanh ra đời sau quá trình chuyển đổi tư duy toàn cầu theo xu hướng phát triển bền vững với các góc tiếp cận đa chiều. Theo UNEP (2011), đầu tư xanh bao gồm nguồn vốn công và tư nhân hướng vào các hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng và tài sản nhằm giảm phát thải các-bon và ô nhiễm, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, đồng thời ngăn ngừa mất đa dạng sinh học và các dịch vụ sinh thái. Tiếp cận từ góc độ hạ tầng và tài chính, Inderst và cộng sự (2012) trong báo cáo của OECD định nghĩa đầu tư xanh là việc huy động vốn cho các dự án và sáng kiến môi trường như năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Gắn kết chặt chẽ đầu tư xanh với tăng trưởng xanh, nhấn mạnh vào mục đích và tác dụng của dòng đầu tư xanh, World Bank Group (2021) định nghĩa đầu tư xanh là việc phân bổ vốn vào các dự án và hoạt động kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tập trung vào việc giảm thiểu khí thải các-bon, giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng và chống chịu của xã hội trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Theo Luật bảo vệ môi trường Việt Nam (Quốc hội, 2020); đầu tư xanh được cụ thể hoá qua khái niệm về “dự án đầu tư xanh” với mục tiêu ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện, phục hồi môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, khái niệm đầu tư xanh được mở rộng và hoàn

thiện theo thời gian, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thực tiễn. Tuy nhiên, các khái niệm về đầu tư xanh cho đến nay đều đồng nhất dựa trên ba nội dung chính bao gồm: (1) Hướng tới mục tiêu về lợi ích môi trường; (2) Xác định một số ngành trọng tâm như Năng lượng, Nông nghiệp bền vững, Giao thông xanh và Công nghệ sạch; (3) Đảm bảo lợi nhuận tài chính cho nhà đầu tư, đồng thời đóng góp vào phát triển bền vững của xã hội, môi trường.

2.2. Cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước và căn cứ chính sách chung cho đầu tư xanh tại Việt Nam

Về mặt lý thuyết, sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực đầu tư xanh dựa trên ý tưởng về vai trò của nhà nước đối với thất bại thị trường. Phát thải khí nhà kính được coi là thất bại thị trường lớn nhất mà thế giới từng trải qua (Stern, 2008). Nguyên nhân cốt lõi của thất bại này xuất phát từ hai nguyên nhân: vấn đề ngoại tác và bản chất hàng hóa công cộng. Nhiều hoạt động sản xuất tạo ra ngoại tác tiêu cực như phát thải và gây ô nhiễm mà không phải gánh chịu chi phí tương ứng. Ngược lại, các dự án đầu tư xanh lại có thể đang tạo ra ngoại tác tích cực nhưng bản thân nhà đầu tư tư nhân không thể thu hồi được toàn bộ giá trị lợi ích xã hội mà họ mang lại. Bên cạnh đó, môi trường trong lành mang đặc trưng của hàng hóa công- không có tính loại trừ và không có tính cạnh tranh. Kết quả là nếu chỉ dựa vào sự vận hành của bàn tay vô hình, khu vực tư nhân sẽ luôn thiếu động lực để phân bổ vốn ở mức tối ưu cho các dự án xanh, sự can thiệp của nhà nước trong đó có các chính sách hỗ trợ về tài chính là điều kiện tiên quyết để khơi thông và định hướng lại dòng vốn. Tuy nhiên, bản thân chính phủ cũng đối mặt với các hạn chế mang tính hệ thống dẫn đến không phải

tất cả các can thiệp đều mang lại kết quả như mong muốn. Các hạn chế cơ bản có thể kể đến như tình trạng thiếu thông tin và sự cứng nhắc của bộ máy hành chính tạo ra độ trễ trong việc ban hành và thực thi chính sách.

Về mặt thực tiễn, sự can thiệp của Nhà nước đối với đầu tư xanh thể hiện qua nhiều hành động, trong đó việc thiết lập các khuôn khổ pháp lý và ban hành các chính sách định hướng, thu hút đầu tư xanh có ý nghĩa quan trọng. Trong bối cảnh Việt Nam, căn cứ pháp lý chung cho chuyển đổi xanh được thể hiện qua nền tảng cao nhất và chính thức từ luật khung cho vấn đề môi trường và các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn môi trường cũng như hướng dẫn chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường như sau: (1) Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (2020): Đây là văn bản cốt lõi nhất, chính thức luật hóa các công cụ kinh tế cho chuyển dịch xanh. Luật Bảo vệ môi trường được ban hành đã thay đổi tư duy quản lý từ kiểm soát ô nhiễm sang chủ động phân loại dự án dựa trên tiêu chí môi trường; (2) Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (2022): Quy định chi tiết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ôzôn. Đây là căn cứ để bắt buộc các doanh nghiệp thực hiện kiểm kê khí nhà kính và tuân thủ lộ trình giảm phát thải; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Chính phủ, 2022b): Hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường, quy định về các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho kinh tế tuần hoàn và các dự án thân thiện với môi trường.

Với xu hướng chuyển đổi xanh được xác định rõ ràng, việc thiết lập và củng cố căn cứ pháp lý và thực tiễn cho đầu tư xanh là điều kiện tiên quyết để vừa tạo động lực vừa định hướng nguồn lực thực thi cho quá trình chuyển đổi xanh của toàn bộ nền kinh tế. Các văn bản quan trọng được ban hành có thể kể đến như: (1) Quyết định số 1658/

QĐ-TTg (2021)- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh: Xác định các mục tiêu cụ thể về xanh hóa nền kinh tế, là căn cứ để xác định các ngành kinh tế, các lĩnh vực kinh tế cần ưu tiên đầu tư; (2) Quyết định 896/QĐ-TTg (Chính phủ, 2022c)- Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu: Văn bản này cụ thể hóa lộ trình giảm phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từ đó làm căn cứ để tính toán tổng nhu cầu vốn đầu tư cho các giải pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường; (3) Quyết định số 882/QĐ-TTg (2022)- Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh sau đó được ban hành được coi là bước tiến và căn cứ mục tiêu cụ thể cho lộ trình thực thi các chiến lược, giải pháp cho chuyển dịch xanh.

2.3. Căn cứ pháp lý, căn cứ chính sách cho đầu tư xanh theo ngành tại Việt Nam

Thời gian qua, Việt Nam đã ban hành một số văn bản nhằm định hướng chuyển dịch xanh cho các ngành trọng điểm, đặc biệt là ngành Năng lượng; Nông nghiệp; Giao thông vận tải và Công nghiệp. Cụ thể như sau:

Đối với ngành Năng lượng, các văn bản quan trọng bao gồm: (1) Quyết định số 500/QĐ-TTg (2023) Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 768/QĐ-TTg (2025): Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050: xác định nhu cầu đầu tư nói chung, đầu tư vào NLTT nói riêng trong phát triển nguồn điện và lưới điện; (3) Nghị quyết 70-NQ/TW (2025) về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (4) Nghị quyết số 328/NQ-CP (2025): Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: xác định nhu cầu đầu tư khổng lồ và chương trình hành động để tái cấu trúc ngành năng lượng. Nhân mạnh nhu cầu đầu tư vào hiện đại hóa hạ tầng và phát triển NLTT quy mô lớn không chỉ phục vụ nhu cầu trong nước mà còn hướng đến xuất khẩu.

Đối với ngành Nông nghiệp, Quyết định số 3444/QĐ-BNN-KH (2022) phê duyệt kế hoạch hành động của bộ Nông Nghiệp và PTNT thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030 đã định hướng tập trung đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp tái sinh để giảm phát thải mê-tan.

Đối với ngành Giao thông Vận tải, Quyết định số 876/QĐ-TTg (2022) đã xây dựng lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon của ngành giao thông vận tải, ưu tiên đầu tư cho xe điện và hạ tầng giao thông xanh.

Đối với ngành Công nghiệp, các văn bản quan trọng bao gồm: (1) Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (2022): Quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, buộc các cơ sở phát thải lớn trong ngành công nghiệp phải đầu tư đổi mới công nghệ để giảm phát thải; (2) Kế hoạch hành động xanh của Bộ Công Thương: Định hướng đầu tư vào sản xuất sạch hơn và các khu công nghiệp sinh thái; (3) Sổ tay Tài chính xanh (Bộ Công Thương, 2022): Hướng dẫn các doanh nghiệp (đặc biệt là SMEs) cách lập hồ sơ tiếp cận vốn vay cho dự án sản xuất bền vững và hiệu quả năng lượng.

3. Nhu cầu và thực trạng đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam

3.1. Nhu cầu đầu tư xanh ở Việt Nam

Trong hơn một thập kỷ qua, các hành động hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam chuyển biến từ những bước đi ban

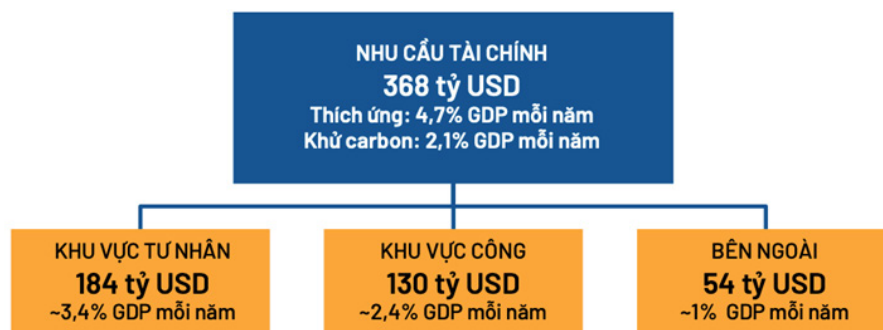
đầu mang tính định hình chính sách đến giai đoạn tăng tốc. Quá trình này được dự báo tiếp tục phát triển mạnh mẽ, kéo theo nhu cầu lớn về đầu tư xanh trong thời gian tới.

World Bank (2022a) ước tính Việt Nam sẽ cần bổ sung khoảng 6,8% GDP mỗi năm, tương đương tổng tích lũy 368 tỷ USD trong giai đoạn 2022- 2040 để đạt các mục tiêu xanh đã đề ra. Nguồn tài chính bổ sung này nhằm tài trợ cho xây dựng khả năng thích ứng và phục vụ lộ trình khử các-bon. Cụ thể, các khoản đầu tư cần thiết cho thích ứng và xây dựng khả năng chống chịu khí hậu chiếm khoảng 2/3 tổng nhu cầu, ước tính khoảng 254 tỷ USD (tương đương 4,7% GDP mỗi năm). Đầu tư cho giảm nhẹ phát thải (khử các-bon) cần bổ sung 2,1% GDP mỗi năm, tương đương yêu cầu thêm 114 tỷ USD trong giai đoạn 2022- 2040. Bên cạnh đó, dự báo về nguồn huy động để đáp ứng nhu cầu tài chính cho thấy vai trò quan trọng của khu vực tư nhân, điều này phù hợp với quan điểm về vị trí của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới (Trần Việt Dũng và cộng sự, 2025).

Dự báo về nhu cầu đầu tư xanh cũng được đưa ra cho các giai đoạn khác nhau và cho một số lĩnh vực. NDC của Việt Nam năm 2022 xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU) dựa trên giả thiết tăng trưởng kinh tế chưa xét đến các chính sách ứng phó BĐKH hiện có. BAU được xây dựng cho giai đoạn 2014- 2030 và cho 5 lĩnh vực bao gồm: Năng lượng; Nông nghiệp; Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp; Các quá trình công nghiệp. Nhu cầu tài chính phân bổ cho từng lĩnh vực cho thấy quá trình chuyển dịch năng lượng- bao gồm việc phát triển năng lượng tái tạo quy mô lớn, nâng cấp lưới điện và giảm dần năng lượng hóa thạch, là trụ cột mang tính quyết định và là lĩnh vực thâm dụng vốn nhất trong toàn bộ lộ trình khử các-bon của Việt Nam đến

Đầu tư xanh theo ngành tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030:

Thực trạng và một số khuyến nghị



Nguồn: World Bank (2022a)

Hình 1. Nhu cầu tài chính và các nguồn huy động tiềm năng để đạt mục tiêu thích ứng và PTR0 giai đoạn 2022- 2040

năm 2030. Mọi chiến lược đầu tư xanh hiện nay có xu hướng xoay quanh và ưu tiên giải quyết bài toán tài chính khổng lồ của ngành năng lượng. Việc xác định cơ cấu đầu tư xanh tối ưu trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm trở nên cấp thiết nhằm định hướng dòng đầu tư xanh hiệu quả.

3.2. Đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực trọng điểm ở Việt Nam

a. Đầu tư xanh trong ngành Năng lượng

Trong kiến trúc tổng thể của chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, lĩnh vực năng lượng giữ một vai trò trung tâm, vừa là nguồn phát thải khí nhà kính (KNK) lớn nhất, vừa có dư địa tiềm năng chuyển đổi mạnh mẽ nhất. Chính vì vậy, các định hướng chính sách của Việt Nam trong thập kỷ qua đã tập trung ưu tiên và thu hút dòng đầu tư đáng kể vào lĩnh vực này, tạo nên một bức tranh đa dạng với những điểm sáng về tốc độ tăng trưởng nhưng cũng ẩn chứa nhiều thách thức phức tạp về tính bền vững và sự đồng bộ của thị trường.

- Đầu tư xanh trong lĩnh vực năng lượng tái tạo

Lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo (NLTT), đã xác lập vị thế là thời nam châm thu hút phần lớn dòng đầu

tư xanh tại Việt Nam. Các dữ liệu thống kê từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023) cho thấy sự tập trung gần như tuyệt đối của các nhà đầu tư vào ngành này. Trong tổng giá trị 6,7 tỷ USD mà các hoạt động kinh tế xanh đóng góp vào GDP năm 2020, riêng ngành năng lượng đã chiếm tới 41%. Xu hướng này càng trở nên rõ nét hơn trong năm 2023 khi 95% tổng đầu tư xanh được ghi nhận đã chảy vào lĩnh vực năng lượng (Bain & Company và cộng sự, 2024).

Dòng đầu tư xanh cho lĩnh vực NLTT đến từ nhiều nguồn đa dạng, bao gồm cả trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn trước đây từ 2017 đến 2021, FDI vào các lĩnh vực xanh đạt khoảng 9 tỷ USD, cũng đã phần lớn tập trung vào NLTT và sản xuất trang thiết bị liên quan. Giai đoạn 2020 đến nay, một đặc điểm nổi bật của sự bùng nổ NLTT tại Việt Nam là vai trò chủ đạo của các nhà đầu tư trong nước. Trong giai đoạn 2018-2023, gần 58% vốn đầu tư vào NLTT đến từ các nguồn thuần túy nội địa và 27% khác đến từ các mô hình liên doanh (McKinsey & Company, 2023). Mặc dù NLTT là lĩnh vực bùng nổ trong giai đoạn 2018- 2023, sự chậm trễ trong việc ban hành các quy hoạch phát triển và cơ chế chính sách về giá đã dẫn đến sự chững lại trong đầu tư vào lĩnh vực này trong những năm gần đây.

- Đầu tư xanh trong lĩnh vực phát điện

Trọng tâm của hoạt động đầu tư xanh trong ngành năng lượng là lĩnh vực phát điện. Việt Nam chứng kiến tốc độ tăng trưởng NLTT chưa từng có. Chỉ trong vòng 5 năm (2018- 2023), tổng công suất điện mặt trời và điện gió đã tăng từ mức gần như không đáng kể lên hơn 21.000 MW (McKinsey & Company, 2023). Đến cuối năm 2020, tổng công suất lắp đặt các nguồn điện NLTT đã chiếm 25% tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Sự tăng trưởng thần tốc này đã đưa Việt Nam trở thành nhà sản xuất điện mặt trời lớn nhất Đông Nam Á vào năm 2023 (McKinsey & Company, 2023).

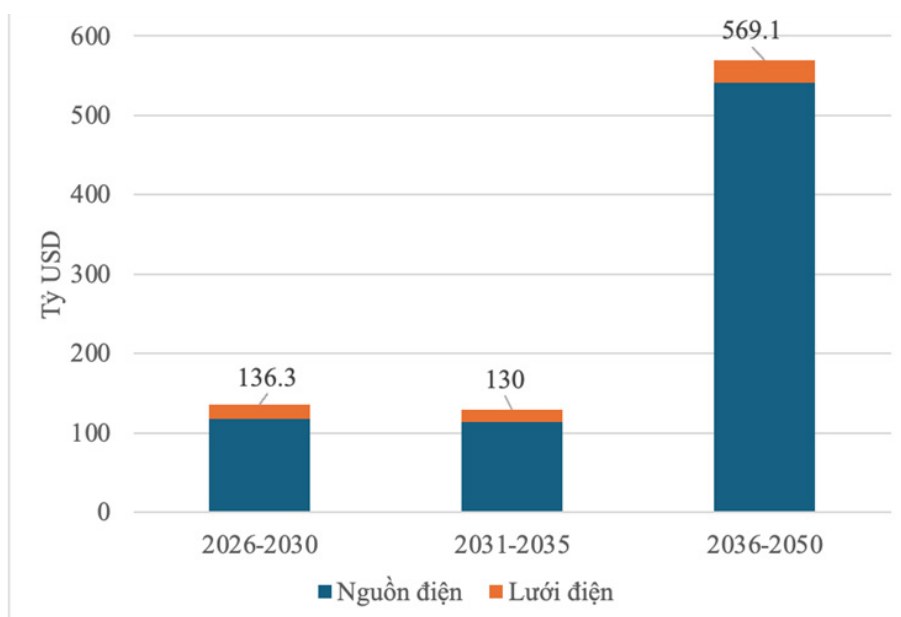
PDP8 điều chỉnh cũng chỉ ra nhu cầu đầu tư phát triển nguồn điện và lưới điện ở Việt Nam giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thể hiện ở Hình 2.

Phân tích nhu cầu đầu tư xanh cho ngành điện giai đoạn 2026- 2050 cho thấy sự tập trung nguồn lực áp đảo vào phát triển nguồn điện mới so với lưới điện truyền

tải. Tổng nhu cầu vốn duy trì ở mức cao trong giai đoạn 2026- 2035 (136,3 tỷ USD cho 2026- 2030 và 130 tỷ USD cho 2031- 2035) trong đó vốn đầu tư cho nguồn điện luôn chiếm tỷ trọng lớn, cao gấp 6,5 đến 7,2 lần so với đầu tư cho lưới điện; Giai đoạn 2036- 2050 có thể xem là giai đoạn then chốt khi nhu cầu vốn tăng đột biến lên 569,1 tỷ USD trong đó vốn rót vào nguồn điện vẫn chiếm mức khổng lồ, cao gấp hơn 19 lần so với lưới điện.

b. Đầu tư xanh trong ngành Nông nghiệp

Trong kiến trúc tổng thể của nền kinh tế Việt Nam, nông nghiệp giữ một vị thế chiến lược, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn là sinh kế của hàng chục triệu người dân. Tuy nhiên, lĩnh vực này cũng mang một vai trò kép đầy thách thức trong bối cảnh biến đổi khí hậu: vừa là một trong những ngành kinh tế chịu tổn thương nặng nề nhất, vừa là một nguồn phát thải khí nhà kính quan trọng, đặc biệt là khí metan và oxit nitơ.



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu dựa trên QĐ 768/QĐ-TTg

Hình 2. Định hướng nhu cầu đầu tư phát triển nguồn điện và lưới điện ở Việt Nam thời kỳ 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Theo dữ liệu thống kê từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), lĩnh vực nông, lâm nghiệp xanh đã có những đóng góp đáng kể vào nền kinh tế, chiếm tới 28% trong tổng giá trị 6,7 tỷ USD mà kinh tế xanh tạo ra vào năm 2020. Các hoạt động này cũng tạo ra hơn một nửa trong số 400.000 việc làm của nền kinh tế xanh, chủ yếu trong nông, lâm nghiệp công nghệ cao. Mặc dù có vai trò quan trọng, lĩnh vực này lại chưa phải là điểm đến ưu tiên của các dòng đầu tư xanh quy mô lớn. Phân tích các điểm đến của dòng đầu tư tư nhân trong những năm gần đây cho thấy sự tập trung gần như tuyệt đối của ngành năng lượng, trong khi nông nghiệp chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (Bain & Company và cộng sự, 2024; Bain & Company và cộng sự, 2025).

c. Đầu tư xanh trong lĩnh vực Giao thông vận tải và đô thị bền vững

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng nhu cầu giao thương tạo ra áp lực ngày càng lớn lên môi trường và là một trong những nguồn phát thải KNK chính, đặt ra các yêu cầu lớn về chuyển đổi xanh. - Thực trạng đầu tư trong giao thông xanh So với sức hút mạnh mẽ của ngành năng lượng, dòng đầu tư xanh tư nhân vào lĩnh vực giao thông tại Việt Nam có thể nói vẫn còn ở giai đoạn đầu. Trong khi năng lượng chiếm tới 95% tổng đầu tư xanh tư nhân được ghi nhận vào năm 2023, lĩnh vực giao thông chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (Bain & Company và cộng sự, 2024). Dù vậy, tiềm năng kinh tế của lĩnh vực này là vô cùng lớn. Báo cáo về hiện trạng của tăng trưởng xanh ước tính rằng, chuyển dịch hoàn toàn phương tiện đường bộ sang năng lượng sạch có thể mang lại cho Việt Nam 50- 60 tỷ USD về GDP và hơn 150.000 việc làm vào năm 2050 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

Điện hóa Giao thông là lĩnh vực năng động

và thu hút sự quan tâm lớn nhất từ các nhà đầu tư và hoạch định chính sách. Chính phủ đã đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng, với định hướng đến năm 2045, tất cả phương tiện cơ giới đường bộ đều sử dụng điện hoặc năng lượng sạch (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Các mục tiêu này tạo ra một tín hiệu thị trường rõ ràng về nhu cầu đầu tư khổng lồ trong khâu sản xuất và hệ thống dịch vụ hỗ trợ đi kèm trong tương lai. - Thực trạng đầu tư vào đô thị bền vững và công trình xanh

World Bank (2022a) nhấn mạnh rằng các đô thị ven biển của Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, đặc biệt là nguy cơ ngập lụt do nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Do đó, một phần lớn trong tổng nhu cầu đầu tư 368 tỷ USD đến năm 2040 cho tăng trưởng xanh sẽ phải được dành cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu (World Bank, 2025). Dòng vốn này cần được hướng vào việc nâng cấp hệ thống thoát nước, xây dựng các công trình bảo vệ ven biển, và quy hoạch đô thị thông minh để giảm thiểu rủi ro.

Tuy vậy, việc phát triển thị trường công trình xanh còn gặp nhiều rào cản, bao gồm: (1) Nhận thức của các chủ đầu tư và người tiêu dùng về lợi ích dài hạn còn hạn chế; (2) Chi phí đầu tư ban đầu cho các công trình xanh thường cao hơn; (3) Thiếu một hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia đồng bộ và hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế; và (4) Cần các cơ chế khuyến khích tài chính mạnh mẽ hơn để thúc đẩy các chủ đầu tư áp dụng các giải pháp xanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

d. Đầu tư xanh trong ngành Công nghiệp và xây dựng

- Đầu tư xanh trong công nghiệp

Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng cũng là nguồn phát thải KNK đáng kể, đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn trong việc thu hút và triển khai các dòng đầu tư

xanh. Các hoạt động kinh tế xanh tại Việt Nam đã ghi nhận những bước phát triển ban đầu đáng khích lệ, tạo ra giá trị khoảng 6,7 tỷ USD vào năm 2020, tương đương 2% tổng GDP, với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ từ 10-13% mỗi năm trong giai đoạn 2018-2020 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Trong cơ cấu này, hoạt động công nghiệp chiếm 14%, trong khi hoạt động xây dựng chiếm một tỷ trọng nhỏ hơn (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

Xu hướng đầu tư xanh được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các nguồn FDI. Giai đoạn 2017-2021, Việt Nam đã huy động được khoảng 9 tỷ USD vốn FDI vào các lĩnh vực xanh, chủ yếu tập trung vào ngành năng lượng tái tạo và đặc biệt là sản xuất trang thiết bị, máy móc cho các dự án tăng trưởng xanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023). Dòng đầu tư này không chỉ cho thấy sự quan tâm của nhà đầu tư quốc tế mà còn phản ánh một xu hướng quan trọng: các tập đoàn đa quốc gia (MNCs) đang yêu cầu các nhà cung cấp của mình phải tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững. Một khảo sát cho thấy 78% MNCs sẽ loại bỏ những nhà cung cấp gây ảnh hưởng tiêu cực đến lộ trình đạt phát thải ròng bằng không của họ vào năm 2025 (Bain & Company, 2021).

- Đầu tư xanh trong xây dựng

Định hướng tăng trưởng xanh cho lĩnh vực xây dựng tập trung vào các giải pháp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm phát thải các-bon trong toàn bộ vòng đời công trình.

Tính đến cuối quý III năm 2024, Việt Nam đã có khoảng 500 công trình xanh với tổng diện tích sàn hơn 12 triệu m². Con số này đã vượt mục tiêu đề ra trong Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019- 2030 theo Quyết định 280/QĐ-TTg. Đáng chú ý, các loại hình công trình được chứng nhận xanh ngày càng đa dạng, bao gồm cả các dự án

sử dụng vốn nhà nước. Tuy vậy, so với một số quốc gia trên thế giới, con số này vẫn ở mức khiêm tốn (Xuân Thủy, 2024).

Các công nghệ nổi bật cần được đẩy mạnh bao gồm hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện, hệ thống điều khiển tự động hóa, điều hòa thông minh, và sử dụng năng lượng mặt trời tại chỗ. Chính phủ đã đặt ra các mục tiêu cụ thể: đến năm 2030, 100% các công trình xây mới phải được chứng nhận sử dụng năng lượng tiết kiệm; và đến năm 2050, 100% công trình xây mới phải lắp đặt giải pháp giảm thiểu phát thải KNK. Việc thực hiện các mục tiêu này được ước tính sẽ giúp giảm thiểu hơn 30 triệu tấn CO₂đ so với kịch bản cơ sở vào năm 2050. Đối với vật liệu xây dựng xanh: Lộ trình phát triển ngành công nghiệp này cũng đã được vạch ra, bao gồm việc xây dựng các tiêu chí kỹ thuật và quy định danh mục nguyên vật liệu xanh nhằm mục tiêu giảm thiểu phát thải (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023).

4. Hạn chế trong đầu tư xanh theo ngành ở Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách

Sự chuyển đổi rõ rệt trong đầu tư xanh trong hai giai đoạn trước và sau COP26 đã thể hiện sự hợp lý trong việc ban hành và thực thi các chính sách về đầu tư xanh ở Việt Nam. Tuy vậy, đầu tư xanh nói chung và đầu tư xanh theo ngành nói riêng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cơ bản sau đây:

Thứ nhất, mất cân đối trong đầu tư xanh giữa các ngành và lĩnh vực:

Dòng đầu tư xanh thể hiện sự tập trung cao độ vào lĩnh vực Năng lượng với khoảng 95% dòng vốn xanh từ nhân năm 2023 tập trung vào NLTT. Mặc dù ngành năng lượng là ngành phát thải lớn nhất tại Việt Nam thời gian qua nhưng sự tập trung quá mức này khiến các ngành tiềm năng khác bị bỏ ngỏ. Chẳng hạn như ngành nông nghiệp và giao

thông cũng là các ngành phát thải lớn nhưng có mức đầu tư xanh khá thấp. Bên cạnh đó, khu vực nông nghiệp chiếm tới 28% giá trị kinh tế xanh năm 2020 nhưng lại không phải điểm đến ưu tiên của dòng đầu tư quy mô lớn. Giao thông xanh có tiềm năng đóng góp tới 50- 60 tỷ USD vào GDP năm 2050 nhưng hiện chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong dòng đầu tư xanh. Thực tế này còn thể hiện một bức tranh thiếu cân đối rộng hơn giữa tập trung đầu tư cho giảm nhẹ so với đầu tư thích ứng, trong khi Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu.

Nguyên nhân của sự mất cân đối trên bắt nguồn từ việc một số ngành, lĩnh vực khó thu hút đầu tư xanh do chi phí lớn trong khi dòng doanh thu không rõ ràng, hoặc các tác động về ngoại tác khó lượng hoá để có thể chứng minh được tính hiệu quả. Điều này cho thấy các chính sách về đầu tư xanh trong thời gian tới cần hướng tới một số ưu tiên như: (1) Mở rộng danh mục ưu đãi với các cơ chế khuyến khích thuế và tín dụng đặc thù cho lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và hệ sinh thái xe điện để cân bằng với năng lượng; (2) Hỗ trợ liên kết chuỗi trong nông nghiệp, trong đó Chính phủ cần đóng vai trò trung gian hỗ trợ các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân nhỏ lẻ để giảm chi phí giao dịch và rủi ro cho nhà đầu tư; (3) Phát triển hạ tầng đồng bộ, trong đó ưu tiên ngân sách đầu tư vào hạ tầng trạm sạc công cộng và hệ thống logistics xanh để tạo nền tảng cho dòng vốn tư nhân đổ vào giao thông và nông nghiệp.

Thứ hai, đầu tư xanh trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm đang có biểu hiện chững lại do các hạn chế trong việc ban hành và triển khai chính sách.

Hạn chế này thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực NLTT, cụ thể NLTT ở Việt Nam đã có giai đoạn bùng nổ trong những năm 2019-2021

thì hiện nay đang chững lại. Điều này bắt nguồn từ việc chậm trễ trong ban hành cơ chế giá mới sau khi cơ chế giá FiT cho điện mặt trời (hết hạn vào 31/12/2020) và điện gió (hết hạn vào 31/10/2021). Thời gian kéo dài của Quy hoạch điện VIII và điều chỉnh quy hoạch cũng làm cho các địa phương và các nhà đầu tư thiếu căn cứ pháp lý để triển khai các dự án đầu tư mới. Bên cạnh đó, sự chững lại của đầu tư vào NLTT cũng là biểu hiện của việc thiếu thông tin và thiếu đồng bộ trong quy hoạch của Chính phủ. Việc nhà nước không dự báo được tốc độ bùng nổ của thị trường đã dẫn đến việc cấp phép ồ ạt các dự án nguồn điện (đặc biệt ở miền Trung và miền Nam), vượt xa năng lực của lưới điện truyền tải. Ngoài ra, mặc dù Việt Nam đã ban hành tiêu chí xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg), việc triển khai quy định này trong thực tế vẫn còn gặp khó khăn.

Để khắc phục tình trạng trên, cần có một số giải pháp định hướng vĩ mô đến những thông tư hướng dẫn cụ thể cho một số nút thắt sau: (1) Cụ thể hóa tiêu chí phân loại xanh thông qua ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết cho Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg để các tổ chức tín dụng có căn cứ xác nhận dự án xanh nhanh chóng; (2) Luật hóa các tiêu chuẩn bền vững bằng cách xây dựng hệ thống quy chuẩn quốc gia về công trình xanh và vật liệu xây dựng xanh hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế để tạo sự thống nhất cho các chủ đầu tư; (3) Nhanh chóng hoàn thiện các quy định về đấu thầu cạnh tranh và hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) để thay thế cơ chế FiT, tạo tính dự báo về dòng tiền cho dự án.

Thứ ba, khó khăn trong việc giải quyết ảnh hưởng liên ngành trong đầu tư xanh vào các ngành và lĩnh vực:

Thực tế đầu tư xanh diễn ra trong nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau, dẫn đến sự

dịch chuyển nguồn lực cũng như tạo ra các đánh đổi giữa các ngành kinh tế. Một số ảnh hưởng liên ngành trong đầu tư xanh có thể kể đến như xung đột quỹ đất giữa lĩnh vực năng lượng tái tạo và lĩnh vực nông- lâm nghiệp. Các dự án điện mặt trời mặt đất và điện gió trên bờ đòi hỏi diện tích đất khổng lồ. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp với quỹ đất nông nghiệp và đất rừng phòng hộ. Mặc dù đầu tư vào năng lượng là xanh nhưng nếu quá trình giải phóng mặt bằng làm suy giảm diện tích rừng hoặc tước đi sinh kế của người nông dân, nó sẽ tạo ra ngoại tác tiêu cực mới, vi phạm nguyên tắc cốt lõi của phát triển bền vững; Bên cạnh đó, chi phí cho năng lượng xanh có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của các hoạt động sản xuất. Quá trình chuyển dịch sang năng lượng tái tạo đòi hỏi dòng vốn đầu tư ban đầu lớn để nâng cấp lưới điện và phát triển công nghệ lưu trữ, từ đó tạo áp lực tăng giá bán lẻ điện. Tuy nhiên, nếu giá điện tăng quá nhanh sẽ ảnh hưởng mạnh đến chi phí đầu vào của các ngành công nghiệp thâm dụng năng lượng như thép, xi măng, dệt may... Ở chiều ngược lại, nếu Việt Nam không cung cấp đủ nguồn điện sạch, các ngành sản xuất xuất khẩu sẽ đối mặt với nguy cơ mất thị phần tại EU và Mỹ do vi phạm Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM).

Để giải quyết xung đột lợi ích liên ngành và khơi thông nguồn vốn chuyển đổi xanh, hệ thống chính sách cần mang tính tích hợp cao hơn. Về quy hoạch, cần gắn kết chặt chẽ Quy hoạch điện lực quốc gia với quy hoạch sử dụng đất địa phương, đồng thời khuyến khích các mô hình không gian liên kết. Về cơ chế tài chính, thay vì trợ giá điện diện rộng, Nhà nước nên đẩy nhanh hoàn thiện cơ chế DPPA và thị trường các-bon nội địa nhằm giúp doanh nghiệp sản xuất tối ưu chi phí năng lượng sạch. Đồng thời, nguồn thu từ thuế môi trường cần được chuyển hóa

thành các Quỹ hỗ trợ công nghệ, cung cấp vốn vay ưu đãi để các ngành thâm dụng năng lượng như thép, xi măng đổi mới dây chuyền, nâng cao năng lực cạnh tranh trước sức ép từ CBAM.

5. Kết luận

Chuyển dịch sang nền kinh tế xanh và hiện thực hóa cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 đòi hỏi Việt Nam phải huy động và phân bổ một nguồn lực đầu tư khổng lồ. Bài viết đã hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước đồng thời rà soát khung pháp lý hiện hành để làm rõ bối cảnh định hướng đầu tư xanh tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030. Kết quả phân tích thực trạng cho thấy bức tranh đầu tư xanh đang có sự phát triển mạnh mẽ nhưng lại bộc lộ sự mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu ngành: dòng vốn tư nhân hiện nay tập trung áp đảo vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (đặc biệt là phát triển nguồn điện), trong khi các lĩnh vực trọng yếu, có tiềm năng giảm phát thải và đóng góp lớn vào nền kinh tế như nông nghiệp bền vững, giao thông xanh, công nghiệp và xây dựng lại chưa thu hút được nguồn lực tương xứng. Bên cạnh đó, bài viết cũng nhận diện những rào cản thực thi làm chững lại dòng vốn, bao gồm sự thiếu đồng bộ trong quy hoạch, khoảng trống chính sách sau khi cơ chế ưu đãi (FiT) hết hạn, và đặc biệt là những hệ lụy xung đột liên ngành phức tạp như cạnh tranh quỹ đất hay áp lực chi phí năng lượng lên năng lực cạnh tranh. Từ đó, nghiên cứu khẳng định sự cần thiết phải chuyển đổi tư duy quản lý từ hỗ trợ đơn lẻ sang điều phối một cách hệ thống thông qua việc hoàn thiện thị trường các-bon, cơ chế DPPA, quy hoạch không gian tích hợp và các công cụ tài chính hỗn hợp.

Mặc dù đã cung cấp tổng quan về đầu tư xanh theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam, nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế nhất

Đầu tư xanh theo ngành tại Việt Nam giai đoạn 2020- 2030:

Thực trạng và một số khuyến nghị

định. Do danh mục phân loại xanh quốc gia và hệ thống chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện và cụ thể hoá, nguồn số liệu phục vụ nghiên cứu chưa có tính hệ thống cao. Dữ liệu chủ yếu được thu thập, trích xuất và tổng hợp từ nhiều báo cáo độc lập của các tổ chức và các cơ quan quản lý nhà nước. Sự đa dạng về nguồn gốc, phương pháp đo

lượng và khung thời gian của các dữ liệu này khiến cho các phân tích trong bài viết chủ yếu mới dừng lại ở mức độ thống kê mô tả nhằm nhận diện các xu hướng lớn và quy mô tổng thể. Các nghiên cứu trong tương lai cần lượng hoá được cụ thể hơn sự phân bổ của dòng vốn đầu tư xanh cũng như hiệu quả đầu tư xanh cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể tại Việt Nam.■

Tài liệu tham khảo

- Bain & Company, GenZero, Google, Standard Chartered, & Temasek (2025). *Southeast Asia's Green Economy: Unlocking Systems for Growth and Impact*. <https://www.bain.com/insights/southeast-asias-green-economy-2025/>
- Bain & Company, GenZero, Standard Chartered, & Temasek (2024). *Southeast Asia's Green Economy 2024: Moving the Needle*. <https://www.bain.com/insights/southeast-asias-green-economy-2024/>
- Bain & Company, Microsoft, & Temasek (2021). *Southeast Asia's Green Economy 2021 Report: Opportunities on the Road to Net Zero*. <https://www.bain.com/insights/southeast-asias-green-economy-2021/>
- Bain & Company, Temasek, & Microsoft (2022). *Southeast Asia's Green Economy 2022 Report: Investing behind new realities*. <https://www.bain.com/insights/southeast-asias-green-economy-2022/>
- Bộ Công thương (2022). Sổ tay Tài chính xanh. <https://viettrade.gov.vn/publication-detail?newsId=52>
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). *Tăng trưởng xanh: Cơ hội đột phá và hướng đi cho Việt Nam*. Truy cập ngày 20/8/2025 tại [https://fileportalems.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-10/Bao%20cao%20TTX%20\(ban%20day%20du\).pdf](https://fileportalems.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-10/Bao%20cao%20TTX%20(ban%20day%20du).pdf)
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022*. Nhà Xuất bản ABC, Hà Nội.
- Bùi Hữu Toàn (2025). Khung pháp lý thúc đẩy tài chính xanh: Bài học kinh nghiệm quốc tế, thực trạng và giải pháp hoàn thiện cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng*, 279, 1-13. <https://doi.org/10.59276/JELB.2025.07.2983>
- Chính phủ (2022). *Quyết định số 882/QĐ-TTg, Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030*
- Chính phủ (2022). *Quyết định số 876/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải*
- Chính phủ (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*.
- Chính phủ (2022a). *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP: Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ozon*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205039>
- Chính phủ (2022b). *Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-06-2022-ND-CP-giam-nhe-phat-thai-khi-nha-kinh-va-bao-ve-tang-o-don-500104.aspx>.
- Chính phủ (2022c). *Quyết định số 896/QĐ-TTg: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050*.
- Chính phủ (2023). *Quyết định số 500/QĐ-TTg: Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Quy hoạch điện VIII)*.
- Chính phủ (2025). *Quyết định số 768/QĐ-TTg: Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Chính phủ (2025). *Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh*
- Đào Hoàng Tuấn, Nguyễn Thị Nhung (2024). Nguồn vốn đầu tư xanh từ khu vực nước ngoài tại Việt Nam: Thực trạng và định hướng chính sách. *Tạp chí Ngân hàng*, số chuyên đề. <https://tapchinganhang.gov.vn/nguon-von-dau-tu-xanh-tu-khu-vuc-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-thuc-trang-va-dinh-huong-chinh-sach-6801.html>
- Inderst, G., C. Kaminker and F. Stewart (2012). *Defining and Measuring Green Investments: Implications for Institutional Investors' Asset Allocations*. OECD Working Papers on Finance, Insurance and Private Pensions, No. 24, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/5k9312twonn44-en>
- Indochine Counsel (2024). *Vietnam Renewable Energy Guide - May 2024*. <https://indochinecounsel.com/wp-content/uploads/2024/05/Vietnam-Renewable-Energy-Guide-May-2024-2.pdf>
- McKinsey & Company (2023). *Putting renewable energy within reach: Vietnam's high-stakes pivot*. <https://www.mckinsey.com/industries/electric-power-and-natural-gas/our-insights/putting-renewable-energy-within-reach-vietnams-high-stakes-pivot>

- Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14*.
- UNEP (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication*. United Nations Environment Programme, Nairobi, 4. <https://sdgs.un.org/publications/unep-2011-towards-green-economy-pathways-sustainable-development-and-poverty#:~:text=Background-,Background,View%20External%20Publication>
- Stern, N. (2008). The economics of climate change. *American economic review*, 98(2), 1-37. <https://doi.org/10.1257/aer.98.2.1>
- Trần Việt Dũng, Trương Hoàng Diệp Hương & Đỗ Mai Linh (2025). Vai trò của kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Từ kinh nghiệm của Trung Quốc đến bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng*, 279, 43-76. <https://doi.org/10.59276/JELB.2025.07.2927>
- Xuân Thuỷ (2024). *Phát triển công trình xanh: Chuyển động từ chính sách đến hành động thực tiễn*. Báo Nhân Dân. Truy cập ngày 20/8/2025 tại <https://nhandan.vn/phat-trien-cong-trinh-xanh-chuyen-dong-tu-chinh-sach-den-hanh-dong-thuc-tien-post834868.html>.
- World Bank (2021). *World Bank Group Climate Change Action Plan 2021–2025: Supporting Green, Resilient, and Inclusive Development*. © World Bank. <http://hdl.handle.net/10986/35799>
- World Bank (2022a). *Vietnam Country Climate and Development Report*. <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/29e72556-d255-5c50-a086-245c1ccc4704>.
- World Bank (2022b). *Energy Sector Decarbonization in Vietnam*. <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/326bb86d-c7cd-57c1-954f-681633428283>
- World Bank (2025). *Việt Nam 2045 - Tăng trưởng xanh hơn: Con đường hướng tới tương lai bền vững*. <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam/publication/viet-nam-2045-growing-greener-pathways-to-a-resilient-and-sustainable-future>